

## NGÔN NGỮ NGHỆ THUẬT TRONG TIỂU THUYẾT *NHO LÂM NGOẠI SỬ* CỦA NGÔ KÍNH TỬ

Lê Sỹ Điền

*Phòng Đào tạo, Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc*

**Tóm tắt.** Cùng với *Thủy Hử truyện* của Thi Nại Am, *Hồng Lâu Mộng* của Tào Tuyết Cần, *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử là một trong những bộ tiểu thuyết có giá trị nhất của nền văn học Trung Quốc. Sở dĩ tác phẩm có sức sống lâu bền với người đọc bởi giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đã vượt ra khỏi ranh giới của những quy phạm nghệ thuật thông thường. Tác phẩm không chỉ phản ánh một cách chân xác hiện thực xã hội Trung Hoa đương thời mà trên các phương diện nghệ thuật *Nho lâm ngoại sử* cũng đạt được rất nhiều thành tựu. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tập trung làm rõ thêm các phương diện nghệ thuật trên phương diện chính là ngôn ngữ. Qua đó thấy được nét độc đáo, đặc sắc trong ngôn ngữ tiểu thuyết Ngô Kính Tử.

**Từ khóa:** Ngô Kính Tử, *Nho lâm ngoại sử*, ngôn ngữ trần thuật, ngôn ngữ đối thoại, người kể chuyện.

### 1. Mở đầu

Trên phương diện ngôn ngữ nghệ thuật của *Nho lâm ngoại sử*, khảo cứu những tư liệu Trung Quốc và Việt Nam chúng tôi nhận thấy một số các tác giả đã bàn luận tới vấn đề này, tuy nhiên những quan điểm, nhận định chỉ mang tính khái quát, tổng hợp. Lỗ Tấn trong *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* nhận xét: “Câu văn nhẹ nhàng, mộc mạc nhưng đầy ý vị sâu xa, chứa đựng sức nặng công tâm chỉ trích những tệ lậu thời đại” [11]. Đề cập tới nghệ thuật trần thuật của *Nho lâm ngoại sử*, trên tạp chí nhà văn trẻ số 21 năm 2011 đăng bài viết *Góc nhìn trần thuật trong “Nho lâm ngoại sử”* (浅议《儒林外史》的叙述视角, 张红燕, 青年文学家 2011年第21期) của Trương Hồng Yến, tác giả bài viết cho rằng: “*Nho lâm ngoại sử* kế thừa những tinh hoa của văn học Trung Quốc tạo nên những nét đột phá trong nghệ thuật trần thuật của nhà văn Ngô Kính Tử. Người kể chuyện bị giới hạn khi tham gia vào câu chuyện, do đó người kể chuyện có sự nhìn nhận và đánh giá khách quan về nhân vật” [15;25]. Bên cạnh đó, một số nghiên cứu ở Việt Nam của Phan Võ, Như Thành cũng nhận định: “Cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả cũng rất đặc sắc. Đó là ngôn ngữ của sử gia, chữ nào cũng bao hàm tính chất phê phán, cân nhắc. Câu văn xem bên ngoài khá đơn giản, không có trang sức rườm rà nhưng đọc kỹ thì rất là tinh tế. Trước đây, đó là câu văn của Tư Mã Thiên và sau này, đó là câu văn của Lỗ Tấn” [13;19]. Các tác giả Nguyễn Khắc Phi, Lưu Đức Trung, Trần Lê Bảo trong cuốn *Lịch sử văn học Trung Quốc* tập 2 cho rằng “sự châm biếm kín đáo của rừng

---

Ngày nhận bài: 1/10/2016. Ngày nhận đăng: 20/3/2017

Liên hệ: Lê Sỹ Điền, e-mail: [diencdvp@gmail.com](mailto:diencdvp@gmail.com)

nho nhiều lúc là sự lạnh lùng, bình thản. Tác giả cứ đứng đưng tường thuật, cứ để cho nhân vật hành động đối thoại và từ đó nảy ra khuynh hướng châm biếm” [6;128].

Nhà văn Ngô Kính Tử viết *Nho lâm ngoại sử* bằng tâm huyết cá nhân và kinh nghiệm cuộc đời. Đặc sắc trong cách viết của Ngô Kính Tử là lối văn thâm trầm, kín đáo, câu văn đơn giản nhưng lại đầy ẩn ý, mỉa ngầm, mang nhiều sắc điệu hướng đến sự châm biếm, phê phán, đả kích toàn bộ giới trí thức nho sĩ và hệ thống quan lại đương thời. Trên cơ sở những nghiên cứu trước đó, bài viết này chúng tôi đề xuất những kiến giải mới trong ngôn ngữ trần thuật khách quan của người kể chuyện và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật để làm rõ hơn nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của nhà văn Ngô Kính Tử.

## **2. Nội dung nghiên cứu**

### **2.1. Ngôn ngữ nghệ thuật trong tác phẩm văn học**

#### **2.1.1. Khái niệm ngôn ngữ nghệ thuật**

Trong cuộc sống, ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp hằng ngày của con người, là “cái vỏ của tư duy” sử dụng một cách tự nhiên, thông dụng với nhiều sắc thái, giọng điệu đa dạng diễn tả những cung bậc cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ khác nhau của con người. Đây là loại ngôn ngữ toàn dân, mang phong cách của ngôn ngữ sinh hoạt và được quan niệm là ngôn ngữ phi nghệ thuật.

Xét trong lĩnh vực văn chương, ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ dùng trong các tác phẩm văn học và nó cũng tương đồng với khái niệm ngôn từ nghệ thuật hay ngôn ngữ văn học. Trong cuốn *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, G.N.Pospelop nhận định: “Văn học là một nghệ thuật ngôn từ; yếu tố vật chất mang hình tượng của nó là lời nói của con người mà cơ sở là ngôn ngữ của một dân tộc nhất định” [5]. Các tác giả của *Từ điển thuật ngữ văn học* dùng thuật ngữ “ngôn ngữ văn học” cho rằng: “ngôn ngữ mang tính nghệ thuật được dùng trong văn học. Trong ngôn ngữ học, thuật ngữ này có ý nghĩa rộng hơn, nhằm chỉ một cách bao quát các hiện tượng ngôn ngữ được dùng một cách chuẩn mực trong các văn bản nhà nước, trên báo chí, đài phát thanh, trong văn hóa, văn học và khoa học” [2;215]. Theo giáo sư Trần Đình Sử: “Ngôn từ văn học là ngôn từ được lựa chọn, được tổ chức thành văn bản cố định, sao cho nói một lần mà có thể giao tiếp mãi mãi”. Bàn tới ngôn ngữ nghệ thuật giáo sư Phương Lựu cho rằng: “nói tới ngôn ngữ nghệ thuật là nói tới “mã”, nói tới một hệ thống các phương thức, phương tiện tạo hình, biểu hiện, hệ thống các quy tắc thông báo bằng tín hiệu thẩm mỹ của một ngành, một sáng tác nghệ thuật. Người ta có thể nói tới “ngôn ngữ ba lê”, “ngôn ngữ chèo”, “ngôn ngữ điện ảnh”. Cũng có thể nói đến ngôn ngữ nghệ thuật của sáng tác văn học trên cấp độ đó” [4;185-186]. Ở một khái niệm khác, “ngôn ngữ nghệ thuật là ngôn ngữ dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, sắp đặt, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật - thẩm mỹ”.

Từ những nhận định trên, có thể khái quát một cách chung nhất khái niệm ngôn ngữ nghệ thuật “là phạm trù chung bao gồm toàn bộ các yếu tố ngôn ngữ được vận dụng trong tác phẩm văn chương. Đó là thứ ngôn ngữ đã được chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt, có tính gợi hình, gợi cảm, đem lại những cảm xúc thẩm mỹ cho người đọc thông qua những rung động tình cảm, qua đó biểu hiện cá tính, phong cách sáng tạo của nhà văn”.

#### **2.1.2. Những yếu tố hình thành nên ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn**

##### *a. Cá tính sáng tạo của nhà văn*

Yếu tố đầu tiên góp phần hình thành phong cách ngôn ngữ nhà văn là cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Bởi vì văn học không làm giàu cho xã hội bằng của cải vật chất, chân lí mà văn học đem lại cũng không phải chỉ là chân lí khách quan như trong khoa học mà còn xuyên thấu tư tưởng chủ quan của người nghệ sĩ. Sự thật có thể chỉ là một nhưng cách nhìn, cách cảm, cách nghĩ của nhà văn muôn màu, muôn vẻ làm phong phú đời sống tinh thần cho xã hội. Nếu cá tính của nhà văn mờ nhạt, không tạo được tiếng nói, giọng điệu, phong cách riêng thì đó là sự tụt lùi trong văn học. Nam Cao trong tuyên ngôn nghệ thuật của mình đã từng nói: “Nghệ thuật không chấp nhận những người thợ khéo tay làm theo một vài kiểu mẫu nhất định mà chỉ dung nạp những người biết đào sâu, tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, sáng tạo những gì chưa có”. Vì thế cá tính của người nghệ sĩ là yếu tố đầu tiên góp phần hình thành nên phong cách của nhà văn.

#### *b. Hoàn cảnh xã hội, thời đại, môi trường sống*

Hoàn cảnh xã hội, thời đại là những yếu tố tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống con người từ khoa học đến nghệ thuật. Văn học cũng không ngoại lệ bởi văn học có tính xã hội rất cao. Một tác phẩm văn học ra đời thường chịu sự chi phối của rất nhiều yếu tố như chính trị, kinh tế, lịch sử, văn hóa... Những yếu tố đó sẽ tác động đến hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học, trong đó tác động tới phong cách ngôn ngữ của nhà văn là rõ nét nhất. Chính vì vậy, có thể dựa vào ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn để hiểu rõ hơn về hoàn cảnh xã hội, thời đại mà nhà văn sống và viết tác phẩm.

Bên cạnh đó, hoàn cảnh xuất thân của gia đình cũng tác động tới phong cách nghệ thuật của người nghệ sĩ. Gia đình là môi trường sống đầu tiên để nuôi dưỡng và hình thành bản chất, con người mỗi cá nhân. Sống ở môi trường nào thì sẽ chịu ảnh hưởng của môi trường ấy. Vũ Trọng Phụng miêu tả thành công, xuất sắc tầng lớp thị dân bằng ngôn ngữ chân thật, phong phú, đặc sắc đến thế vì ông có sự gắn bó gần gũi với thành thị, chứng kiến hết thảy mọi điều xấu xa của xã hội đương thời.

Những yếu tố trên kết hợp, tác động, chi phối ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn. Ngoài ra những nhân tố khác như sở trường, sự lựa chọn thể loại, năng lực cũng chi phối tới ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn.

## **2.2. Ngôn ngữ nghệ thuật trong *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử**

### **2.2.1. Ngôn ngữ trần thuật khách quan của người kể chuyện**

Trần thuật là phần lời của tác giả, của người trần thuật. Ngôn ngữ trần thuật do vậy là nơi bộc lộ ý thức sử dụng ngôn ngữ có chủ ý của nhà văn, thể hiện quan điểm của tác giả hay quan điểm của người kể chuyện đối với cuộc sống được miêu tả. Ngôn ngữ trần thuật có những nguyên tắc thống nhất trong việc lựa chọn các phương tiện tạo hình và biểu hiện ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc, quan điểm của tác giả, và cũng là yếu tố cơ bản thể hiện phong cách nhà văn, truyền đạt cái nhìn, giọng điệu, cá tính của tác giả. Một trong những khó khăn đối với nhà văn khi xây dựng tác phẩm là lựa chọn cho mình một chỗ đứng thích hợp để kể câu chuyện. Việc tìm chỗ đứng này xác lập cho người kể chuyện một điểm nhìn trần thuật để từ đó câu chuyện được kể ra bằng một ngôn ngữ nhất định nào đó.

“*Nho lâm ngoại sử* là cuốn tiểu thuyết dành để trình bày và cắt nghĩa mối quan hệ giữa chính quyền và văn hóa” [9], nó được cấu thành từ những câu chuyện nhỏ nhưng xuyên suốt từ đầu đến cuối là sự thống nhất trong nội dung tư tưởng, chủ đề của tác phẩm. Xét trên phương diện trần thuật, đây cũng là một kiểu trần thuật độc đáo của người kể chuyện bởi các câu chuyện trong tác phẩm tưởng chừng như rời rạc, không liền mạch lại có sức khái quát lớn, cuốn hút người đọc.

Những câu chuyện mà người kể chuyện trần thuật lại đưa đến cho độc giả cảm nhận đó là những câu chuyện thật gần gũi, gắn bó mật thiết với đời sống xã hội. Trong tác phẩm, điểm nhìn đã đặt người kể chuyện ở ngôi thứ ba, không tham dự vào câu chuyện và luôn có ý thức giữ một khoảng cách nhất định với nhân vật. Người kể chuyện có thể nhập vai cùng tác giả tạo ra kiểu người kể chuyện toàn tri, hiểu biết hết tất cả sự việc xảy ra nhưng chỉ đứng ngoài diễn biến của câu chuyện được kể. Với quan điểm trần thuật này, các câu chuyện trong *Nho lâm ngoại sử* được kể dưới nhiều góc độ, nhiều quan niệm với cách lí giải khác nhau vì thế mà tạo nên tính chân thực, khách quan cho tác phẩm.

Nét đặc sắc trong ngôn ngữ trần thuật tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử chính là sự “giấu giếm” rất khéo léo. Thái độ của người kể ẩn dưới một bộ mặt lạnh lùng, khách quan. Người đọc cảm thấy ẩn chứa đằng sau lớp vỏ ngôn ngữ ấy là một thái độ phát phần kinh xuất của nhà văn. Bằng cách viết khách quan, lạnh lùng nhà văn Ngô Kính Tử đã bày tỏ thái độ mỉa mai, châm biếm đối với toàn bộ giới trí thức nho sĩ; đả kích, lên án mạnh mẽ hệ thống quan lại và chế độ thi cử đương thời. Khi trần thuật tác giả nhập thân vào người kể chuyện không bộc lộ thái độ yêu, ghét, khen chê mà để cho các nhân vật tự trao đổi, tranh luận, đi từ phán đoán đến sự thật, từ sai đến đúng, từ đúng đến sai để cuối cùng nhân vật tự bộc lộ bản chất và tính cách của mình. Tiếng cười châm biếm, mỉa mai cũng từ đó mà phát lộ không cần sự tham gia đánh giá, nhận xét của người kể chuyện. Có thể thấy sự khách quan, lạnh lùng đến vô âm sắc của người trần thuật khi ở một tác phẩm châm biếm mà “ý tại ngôn ngoại” lại đạt đến trình độ trác tuyệt như thế.

Chẳng hạn, người kể chuyện thuật lại cuộc đối thoại giữa Ngưu Bồ Y và Khuông Siêu Nhân. Y nói: “Sách tôi sách nào in ra cũng bán đến vạn quyển. Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nam, Thiểm Tây, Bắc Trục, các khách hàng tranh nhau mua, chỉ sợ không có mà xem ... không giấu gì hai vị, những người đọc sách trong năm tỉnh này rất kính trọng tôi. Họ đều đốt hương thắp đèn ở án sách gọi tôi là tiên nho Khuông tử”.

Tiếp đó Ngưu Bồ Y nói:

“Có lẽ ông đã lầm! Gọi “tiên nho” thì phải là người đã qua đời rồi. Nay tiên sinh còn sống đây tại sao lại gọi như thế”.

Khuông Siêu Nhân đỏ mặt nói: “Không phải! Nói “tiên nho” cũng là nói tiên sinh đấy thôi” [12;310].

Như vậy qua đoạn đối thoại trên độc giả thấy được cái dốt nát mà hay khoe khoang, khoác lác của Khuông Siêu Nhân. Người trần thuật đã để cho y tự bộc lộ bản chất dốt nát, lỗ bịch của mình, sự châm biếm thật nhẹ nhàng mà sâu cay. Một người mà không phân biệt được đâu là “tiên nho”, đâu là “tiên sinh” mà cũng bày đặt tuyển chọn viết sách, thật đáng để lên án và phê phán.

Đoạn tả cảnh Trương Tĩnh Trai, Phạm Tiến chạy trốn khỏi phủ Thang cũng đầy ý vị châm biếm bởi giọng văn lạnh lùng, mỉa mai của người kể chuyện: “chạy như con chó nhà có tang, như con cá vừa lọt lưới, chạy suốt cả đêm mới về đến tỉnh thành” [12;85]. Cũng miêu tả hạng nhà nho chuyên đi lừa gạt người khác, người kể chuyện để cho Ngưu Ngọc Phổ tự bộc lộ bản chất của mình. Khi giới thiệu Vương Nghĩa An, một tên kiếm gái cho Ngưu Phổ, y nói: “Anh chào ông ta đi! Ông ta là người bạn thân thiết với ta đã hai mươi năm nay tên là Vương Nghĩa An, trước thường cùng làm việc ở nha môn với ta” [12;338]. Y còn khoác lác khi Vạn Tuyết Trai hỏi y làm gì ở Nam Kinh mãi, y trả lời: “chỉ vì danh tiếng tôi to quá, tôi vừa đến Nam Kinh ở tại chùa Thừa Ân thì đã có bao nhiêu người đến thăm”, nói đến ai y cũng bảo “nếu ông ta ở trong quan trường thì cố nhiên là biết tiếng ta” và đó là “ông bạn kết nghĩa của ta đã hai năm nay, ta không biết sao được”. Ngôn ngữ kể chuyện của người trần thuật đã dẫn dắt, sắp xếp nhân vật trong các cuộc đối thoại để nhân vật tự bộc lộ là con người đầy giả hoạt, xảo trá, thực chất Ngưu Ngọc Phổ chỉ là hạng nhà nho khoác

lác, chuyên lừa gạt người khác.

Viết *Nho lâm ngoại sử* nhà văn Ngô Kính Tử không bắt nguồn từ ân oán cá nhân, không buông lời hung dữ, trút nỗi căm phẫn cá nhân mà như một người thợ quay phim, quay lại tất cả những gì vốn có của hiện thực đời sống, phơi bày một cách chân xác chế độ khoa cử với tầng lớp nho sĩ trí thức và hệ thống quan lại đương thời. Thông qua ngôn ngữ và hành động của nhân vật nhà văn muốn người đọc tự nhận ra sự châm biếm đầy thâm thúy, sâu cay. Lỗ Tấn đã từng nhận xét: “Văn thì giọng lo buồn mà cũng có khi hài hước, lời uyển chuyển mà chắc nhiều ý rắn. Thật là lời văn tế nhị, kín đáo, chọn chữ đặt câu tuyệt diệu, mà cũng có thể cho là một tay rình mò đánh lén tuyệt vời” [10; 233]. Cái ý vị châm biếm đó toát lên từ lối trần thuật dừng dừng tuyệt đối của tác giả khiến nhân vật hiện lên với những nét tính cách riêng biệt. Chẳng hạn qua đoạn văn tả Nghiêm Công Sinh khi hấn khoe bản thân mình ngay thẳng: “Nói thực, tôi vốn thực thà, ở đây chưa hề lấy của người ta một tơ, một hào nào. Các quan phụ mẫu đến đây đều có lòng thương”, liền ngay sau đó có người đây tớ hốt hoảng chạy vào bẩm báo: “Người ta đến đòi lợn, ông về ngay”. Y quát “muốn có lợn thì đem tiền đến” [12;79]. Một kẻ cường hào tham lam, độc ác đã bắt lợn của người khác nhốt lại và đòi tiền chuộc thế mà mở miệng ra khoe mình tốt bụng, ngay thẳng, thực thà. Một thái độ châm biếm kín đáo mà thâm thúy, sâu cay của tác giả dành cho nhân vật. Hay trong đoạn miêu tả Thang Lão Lục, sự châm biếm biếm được người kể chuyện tái hiện qua cử chỉ, điệu bộ, hành động của nhân vật: “Thang Lão Lục ngồi trên một cái ghế dài, hấn kéo hai cô gái ngồi xuống, mỗi người ngồi một bên. Hấn xắn quần lên, gác cái đùi đen bóng lên trên đùi cô Tế, kéo cái bàn tay trắng nõn của cô Tế đặt lên cái đùi đen thui của hấn. Uống trà xong, hấn lấy ra một cái bịch đựng cau, bỏ cau vào miệng nhai rau rầu. Nước giải tràn ra ngoài, chảy rờn rờn xuống râu. Hấn ngả người sang bên phải lại nghiêng sang bên trái, môi ghé vào hai cô để chùi nước giải. Khi hai cô kia lấy khăn tay ra lau má thì hấn giựt lấy khăn lau nách” [13;219].

Có thể thấy trong *Nho lâm ngoại sử*, người kể chuyện đóng vai trò là người trần thuật khách quan, kể lại câu chuyện một cách tự nhiên theo đúng diễn biến, tinh tiết của sự việc, nhân vật tiểu thuyết không hề hay biết tất cả mọi cử chỉ, điệu bộ của mình đã nằm trong tầm ngắm ống kính tác giả khiến cho hành động, ngôn ngữ nhân vật trở nên lộ bịch, buồn cười, từ đó nảy sinh khuynh hướng châm biếm đầy ý vị, sâu xa. Hòa với giọng điệu châm biếm, đả kích, ngôn ngữ trần thuật khách quan của người kể chuyện giữ vai trò quan trọng trong ngôn ngữ tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*. Ngôn ngữ trần thuật khách quan của tác giả đã “dồn người đọc đi đến chỗ nhận ra mối quan hệ giữa thế quyền và đạo thống - một mối quan hệ biểu hiện tập trung con người giai tầng “độc thư nhân” - sĩ, hạng mà khoa cử đã biến thành động-vật-ứng-thí” [8].

### 2.2.2. Ngôn ngữ đối thoại của nhân vật

Lí thuyết thi pháp học cho rằng đối thoại trong truyện là đối thoại nghệ thuật đảm nhiệm chức năng thẩm mỹ bao gồm hai bình diện lời kể và lời thoại. Lời kể hay “lời gián tiếp là lời văn đảm đương chức năng trần thuật, giới thiệu, miêu tả, bình luận con người và sự kiện (...) là lời của người trần thuật, người kể chuyện” [7;178]. Bàn về thi pháp tiểu thuyết, M. Bakhtin trong cuốn lí luận và thi pháp tiểu thuyết khẳng định vai trò của đối thoại: “Đối thoại là bản chất của ý thức, bản chất của cuộc sống con người... Sống tức là tham gia đối thoại: hỏi, nghe, trả lời, đồng ý... Con người tham gia cuộc đối thoại ấy bằng toàn bộ con người và toàn bộ cuộc đời mình: bằng mắt, môi, tay, tâm hồn, tinh thần, hành vi. Nó trút hết con người nó vào lời nói và tiếng nói của nó gia nhập dần đối thoại của cuộc sống con người, gia nhập cuộc hội thảo thế giới... Bản ngã không chết. Cái chết chỉ là sự ra đi. Con người ra đi khi đã nói lời của mình, nhưng bản thân lời nói ấy còn lại mãi mãi trong cuộc thoại không bao giờ kết thúc” [1;512]. PGS.TS Nguyễn Thái Hòa cũng cho rằng, trong các tác phẩm tự sự, "lời thoại là hình thức kể bằng lời nhân vật, nó còn được gọi

là lời trực tiếp của nhân vật trong văn học, là “hình thức kể chuyện cá thể hoá triệt để tính cách và tình huống đối thoại” [3;65].

Từ một số nhận định về đối thoại ở trên, chúng tôi nhận thấy đối thoại xuất hiện trong giao tiếp và thực hiện chức năng giao tiếp một cách trực tiếp giữa người này với người khác. Nó gồm hai yếu tố đặc trưng là trao lời và đáp lời, có sự tương tác qua lại cùng hướng về những mục đích giao tiếp nhất định. Trong tác phẩm văn học, dấu hiệu để nhận biết đối thoại khi lời thoại của nhân vật được tác giả truyền đạt trực tiếp, được hình thức hóa bởi các dấu câu kết hợp với sự xuống dòng để phân biệt với ngôn ngữ của người dẫn chuyện. Bên cạnh đó, khi xuất hiện đối thoại, người dẫn chuyện sẽ sử dụng một số động từ quen thuộc như: nói, bảo, mắng, quát, hỏi. . . Tùy vào số lượng nhân vật tham gia giao tiếp trong từng ngữ cảnh cụ thể mà quyết định đến dạng thức của cuộc thoại đó. Thường có các dạng đối thoại như đơn thoại, song thoại, tam thoại và đa thoại.

Tiến hành khảo sát và thống kê số lượng, tỉ lệ các dạng thức đối thoại của nhân vật xuất hiện trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*, chúng tôi nhận thấy có những dạng thức đối thoại sau:

**Bảng 1. Gia tăng dân số trung bình năm 2000 phân theo quận, huyện**

TT	Tổng số lượt đối thoại	Dạng thức đối thoại	Số lần xuất hiện	Tỉ lệ (%)
1	492	Song thoại	337	68.50
2		Tam thoại	89	18.08
3		Đa thoại	66	13.42

Qua bảng thống kê, có thể thấy trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*, số cuộc thoại dưới hình thức song thoại chiếm số lượng và tỉ lệ cao nhất trong tổng số các cuộc thoại của tiểu thuyết: 337/492 cuộc thoại, chiếm gần 68,50%; số lượng và tỉ lệ cao thứ hai là dạng thức tam thoại: 89/492 chiếm 18,08% tổng số các cuộc thoại, dạng thức đa thoại: 66/492 cuộc thoại chiếm 13,42%. Dựa vào kết quả thống kê trên, chúng tôi khảo lược ngôn ngữ đối thoại của nhân vật trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* qua các dạng thức đối thoại sau:

*a. Dạng thức song thoại*

Song thoại là giao tiếp hai chiều, có sự tương tác qua lại giữa người nói và người nghe. Trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* hầu hết ngôn ngữ đối thoại của nhân vật thuộc dạng này, bảng thống kê số lần và tỉ lệ xuất hiện đã phản ánh điều đó: 337/492 cuộc thoại, chiếm gần 68,50%. Đặc trưng của những đoạn đối thoại giữa hai nhân vật là rất dài, ở đó nhân vật thường đối thoại khá lâu về một vấn đề hoặc có khi nói nhiều về đặc điểm, cá tính của nhân vật khác để đánh giá, nhận xét và phơi bày thực tại. Chẳng hạn đoạn đối thoại giữa Khuông Siêu Nhân và Cảnh Lan Giang khi nói về tên côn đồ, lưu manh Phan Tam:

“Cảnh Lan Giang nói:

- Anh không nghe gì cả sao?
- Không! Có việc gì?
- Phan Tam tối qua bị bắt. Nay đang giam trong ngục.
- Vô lí! Trưa hôm qua tôi vừa gặp ông ta. Lẽ nào ông ta lại bị bắt được!

Cảnh Lan Giang nói:

- Sự thực rành rành! Nếu không tôi biết sao được. . . lệnh bắt do quan tuần vũ đưa xuống nên quan huyện không dám chậm trễ, bắt ngay lúc canh ba, sợ ông ta chạy trốn. Người ta vây nhà rồi bắt ngay tại chỗ. . . nếu anh không tin thì anh cùng tôi đến nhà người bà con để xem tờ giấy sức bắt.

Khuông Siêu Nhân nói:

- Như thế thì tốt nhất. Nhờ anh đưa tôi đến đây xem công việc như thế nào.

Trả xong tiền rượu hai người đến nhà người giữ việc hình” [12; 299-300].

Tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* còn rất nhiều những dạng song thoại như thế. Đây là dạng thức đối thoại chủ đạo mà nhà văn xây dựng nhằm tạo nên những điển hình tiêu biểu. Thông qua dạng thức đối thoại này nhân vật hiện lên với những đặc điểm và nét tính cách riêng biệt mà không thể hòa lẫn với nhân vật khác.

#### *b. Dạng thức tam thoại*

Tam thoại là dạng thức đối thoại có sự tham gia của ba người với ba vai khác nhau tại một địa điểm và thời gian cụ thể. Trong *Nho lâm ngoại sử*, tam thoại là dạng thức có 89/492 cuộc thoại, chiếm 18.08%. Cũng như dạng thức song thoại, qua lối dẫn dắt của người kể chuyện nhân vật được xác định là người có tên tuổi một cách rõ ràng. Bên cạnh đó, dạng thức tam thoại cũng góp phần làm rõ hơn đặc điểm và tính cách của nhân vật. Đoạn thoại giữa Đỗ Thiệu Khanh – Trì Hành Sơn – Trang Thiệu Quang là một ví dụ tiêu biểu:

“Thiệu Quang cung kính chào hai người khách và nói:

- Anh Thiệu Khanh! Xa nhau mấy năm nay, tôi nghe tin anh ở sông Tần Hoài làm cho phong cảnh nơi này lại càng đẹp thêm. Hôm trước tôi bận ngao du ở Quán Giang, anh đến rồi đi ngay kể cũng quá vội.

- Hôm ấy tôi định đến thăm nhưng gặp lúc có người bạn cũ mất, phải đến đó ít ngày. Đến khi trở về thăm ông thì ông đi Chiết Giang rồi.

- Anh Hành Sơn thường vẫn ở nhà, tại sao không hay đến chơi?

- Tôi cứ mãi lo đến đền thờ Thái Bá, chạy vạy bao nhiêu ngày. Bây giờ đền đã bắt đầu dựng lên. Tôi đã viết bản lễ nhạc, đem nó đến đây để được anh chỉ giáo.

Hành Sơn bèn rút trong ống tay áo ra một quyển đưa cho Trang. Trang cầm xem từ đầu đến cuối rất kỹ rồi nói:

- Việc này là việc lớn, nghìn năm mới có một lần. Cố nhiên tôi sẽ xin hết sức góp phần. Nhưng hiện nay tôi có việc phải đi, nhiều là ba tháng, ít nhất là hai tháng mới trở về. Bây giờ tôi sẽ lại cùng bàn bạc với ông” [13; 112-113].

#### *c. Dạng thức đa thoại*

Cùng với song thoại, tam thoại, dạng thức đa thoại cũng góp phần không nhỏ trong việc tạo nên văn tài Ngô Kính Tử. Đa thoại là dạng thức lời có từ bốn nhân vật trở lên đan xen vào nhau trong một ngữ cảnh hội thoại cụ thể. Nó còn được gọi là đối thoại đám đông. Loại này tuy ít hơn dạng thức song thoại và tam thoại nhưng vẫn chiếm một số lượng đáng kể 66/492 cuộc thoại, chiếm 13.42%. Điều đó chứng tỏ Ngô Kính Tử đã dành cho đa thoại một lượng trang viết khá lớn. Đặc trưng của dạng thức đa thoại trong *Nho lâm ngoại sử* là lời thoại diễn ra giữa nhiều nhân vật, lời đối thoại dài, các nhân vật cùng bàn luận về một vấn đề nào đấy. Chẳng hạn đoạn đối thoại giữa Chu Tiến - Kim Hữu Dư - Nhóm bạn của Kim Hữu Dư:

“Trong bọn có một người hỏi:

- Không hiểu ông Chu trong lòng uất ức việc gì mà đến nỗi khóc lóc thảm thương như vậy?

Kim Hữu Dư nói:

- Các vị không biết, cậu tôi đây vốn không phải là dân buôn, ông ta học hành khó nhọc mấy mươi năm nay, mà tú tài cũng không đỗ. Hôm nay nhìn cảnh trường thi, mới đâm ra thương cảm